

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 275/2021/HSPT

Ngày: 22-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 260/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Chí L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Chí L, sinh năm 1981, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Buôn N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn H (đã chết) và bà Lê Thị H1; bị cáo có vợ là Hà Thị N và có một con sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Chí L, sinh năm 1981, trú tại Buôn N, xã E, huyện B, là công chức địa chính xã E, huyện B, phụ trách công tác Xây dựng, Kế hoạch và Giao thông thủy lợi.

Khoảng tháng 9/2017, do quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1981, trú tại: Buôn N1, xã E, huyện B,

tỉnh Đắk Lắk, từ mối quan hệ trên L biết vợ chồng ông T, bà H2 có nhu cầu tìm mua đất tại khu vực buôn K, xã E, huyện B.

Thông qua lĩnh vực công tác chuyên môn, L biết thửa đất có diện tích 8m x 45m (thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 26), địa chỉ tại buôn K, xã E, huyện B chưa được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, L đã tự nhận thửa đất trên là tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của mình và đã thỏa thuận sang nhượng lại cho vợ chồng ông T, bà H2 với giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Để thực hiện được ý định trên L đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc thửa đất, L cho rằng thửa đất trên mua lại của một người có tên là “C” sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh và có giấy viết tay thỏa thuận sang nhượng với C. Tin tưởng vào những thông tin mà L đưa ra, vợ chồng ông T, bà H2 đã đồng ý mua thửa đất trên với giá 150.000.000 đồng. Việc thực hiện giao dịch diễn ra ngày 25/9/2017 tại nhà của ông T, bà H2 (hình thức hợp đồng viết giấy tay không qua công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), theo đó người đứng tên trong hợp đồng ký chuyển nhượng (bên bán) là ông Nguyễn Chí L và bên nhận chuyển nhượng (bên mua) là bà Vũ Thị H2.

Đến năm 2018, vợ chồng ông T, bà H2 tiếp tục mua của gia đình bà H’P Byă, trú tại: Buôn K A, xã E, huyện B, một thửa đất có diện tích 10m x 45m (thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 26), tại buôn K, xã E, huyện B với giá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), việc chuyển nhượng thể hiện bằng giấy viết tay, vị trí tiếp giáp: phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 1; phía Nam giáp thửa đất số 225; phía Tây giáp thửa đất của ông Y M Byă (con bà H’P Byă); phía Đông giáp với thửa đất của bà Vũ Thị H2 đã mua trước đó của L.

Tháng 01/2019, gia đình ông T có nhu cầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với hai thửa đất nói trên, nên vợ chồng ông T, bà H2 nhờ Nguyễn Chí L làm hồ sơ thủ tục có liên quan để đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất mà vợ chồng ông bà đã mua của L và bà H’P Byă như đã nêu trên.

Để tránh sự phát hiện của vợ chồng ông T, bà H2 và bà H’P Byă là chủ sử dụng đất hợp pháp, L trực tiếp lập khống các tài liệu có liên quan về nguồn gốc của thửa đất có diện tích 8m x 45m đã giao dịch sang nhượng cho vợ chồng ông T, bà H2 trước đó: cụ thể: L đã tự viết các thông tin sai lệch về người khai hoang, thời gian chuyển nhượng trong “Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời gian sử dụng đất”, “Đơn cam kết về nguồn gốc và thời gian sử dụng đất”, ký giả tên người chuyển nhượng tại vị trí xác nhận của người chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngoài ra L còn thông qua mối quan hệ công tác, uy tín của bản thân để những người có liên quan ký tên xác nhận mà không kiểm tra lại các nội dung trong hồ sơ.

Ngày 30/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 912083 mang tên Nguyễn Văn T và Vũ Thị H2 là người sử dụng thửa đất 424, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tại buôn K, xã E, huyện B có tổng diện tích là 815m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 20/02/2019, vợ chồng ông T, bà H2 đã sang nhượng lại toàn bộ thửa đất số 424, tờ bản đồ số 26 cho bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1960, trú tại: Xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đến khoảng tháng 6/2020, bà H'P Byă có văn bản đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 8m x 45m (thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 26), địa chỉ tại buôn K, xã E, huyện B là diện tích đất của bà mà Nguyễn Chí L đã sang nhượng trước đó cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H2. Sau khi có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì được biết thửa đất trên đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà H2; đồng thời ông T cho biết thửa đất trên là do L sang nhượng lại nên bà H'P Byă đã có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của L gửi đến Công an huyện Buôn Đôn.

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H2 sau khi biết được bà H'P Byă là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất cũng đã có đơn tố cáo Nguyễn Chí L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Công an huyện Buôn Đôn.

Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 12/7/2021, của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, về án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2021, bị cáo Nguyễn Chí L có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt

bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình giảm nhẹ cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí L- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2021/HSST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng tháng 9/2017 L đưa ra thông tin gian dối về nguồn gốc thửa đất có diện tích 8m x 45m (thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 26), địa chỉ tại buôn K, xã E, huyện B, L cho rằng thửa đất trên là của L mua lại của một người có tên là C. Thực tế, thửa đất trên là của bà H'P Byă. Sau đó L đã làm thủ tục sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H2 với giá 150.000.000 đồng. Khoảng tháng 6/2020, bà H'P Byă có văn bản đề nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 8m x 45m (thuộc thửa số 424, tờ bản đồ số 26), địa chỉ tại buôn K, xã E, huyện B, thì được biết thửa đất trên L đã sang nhượng cho vợ chồng ông T, bà H2 và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà H2 nên bà H'P Byă đã có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của L đến Công an huyện Buôn Đôn. Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H2 cũng có đơn tố cáo Nguyễn Chí L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng đến Công an huyện Buôn Đôn. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Chí L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo. Gia đình bị cáo có những đóng góp to lớn cho cách mạng, bà ngoại bị cáo là bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố bị cáo có nhiều thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đã được chính quyền địa phương xác nhận; mẹ bị cáo là thương binh hạng 4/4; bị cáo có con bị dị tật bẩm sinh nặng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của Pháp luật Nhà nước ta.

Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Xét thấy, bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng là “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức” để trục lợi, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Từ những phân tích trên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí L, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Chí L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí L 02 (hai) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT C.A tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- THA Hình sự huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng